

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày: 17-01-2024

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và
ngõ đi chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và ngõ đi chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 03/2024/QĐST-TCDS ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Đức T1, sinh năm 1953; địa chỉ: TDP số 15, thị trấn TL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “*vắng mặt có lý do*”.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Đức T1 là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; địa chỉ: TDP số 15, thị trấn TL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “*có mặt*”.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1968 và bà Ngô Thị T3, sinh năm 1973; địa chỉ: TDP số 13, thị trấn TL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “*có mặt*”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thị trấn TL

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Tiến - Chủ tịch UBND thị trấn. “*vắng mặt có lý do*”.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; địa chỉ: TDP số 15, thị trấn TL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “*có mặt*”.

3. Cụ Nguyễn Thị Ngọc, sinh năm 1927; địa chỉ: TDP số 15, thị trấn TL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “*vắng mặt*”.

4. Ông Bùi Văn Cường, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1960; địa chỉ: TDP số 15, thị trấn TL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “có mặt ông Cường; vắng mặt bà Liên”.

5. Ông Bùi Văn Ninh, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị Hòa, sinh năm 1969; địa chỉ: TDP số 15, thị trấn TL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “có mặt ông Ninh; vắng mặt bà Hòa”.

6. Ông Phạm Văn Khanh, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Vóc, sinh năm 1967; địa chỉ: TDP số 15, thị trấn TL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “vắng mặt bà Vóc có lý do, ông Khanh vắng mặt không có lý do”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là ông Mai Đức T1 có quan điểm trình bày:*

Vợ chồng ông Mai Đức T1, bà Nguyễn Thị H có thửa đất số 119, tờ bản đồ số 41 (nguồn gốc nhận chuyển nhượng) liền kề với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 41 của vợ chồng ông Bùi Văn T2, bà Ngô Thị T3 (nguồn gốc đất do được bố mẹ tặng cho). Năm 2023 gia đình ông có nhu cầu chuyển nhượng cho người khác thì xảy ra tranh chấp về ranh giới ngõ đi chung đi vào các thửa đất mà cụ Bùi Văn Lân và cụ Nguyễn Thị Ngọ tặng cho các con chung và ranh giới đất với thửa đất của ông T2, bà T3 tại cạnh phía Tây thổ đất của ông T1, bà H. Ông T1 đã làm đơn đề nghị chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành.

Do vậy, ông Mai Đức T1 yêu cầu Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa gia đình ông với gia đình bà ông T2, bà T3 và ranh giới với ngõ đi chung vào các thửa đất mà cụ Bùi Văn Lân và cụ Nguyễn Thị Ngọ tặng cho các con chung theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận diện tích là 800m². Cụ thể yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T2, bà T3 trả cho vợ chồng ông bà phần đất phía Bắc thổ theo sơ đồ đo đạc hiện trạng phần S2 là 20.5m², phần phía Nam giáp ngõ trả cho vợ chồng ông T1, bà H phần đất có chiều rộng 2.0m². Đồng thời, đề nghị Tòa án buộc ông bà T2 phải tháo dỡ các cột bê tông đã làm trên đất của vợ ông T1, bà H.

** Tại bản tự khai, bị đơn là ông Bùi Văn T2 và bà Ngô Thị T3 thống nhất trình bày:* Về nguồn gốc thổ đất số 210, tờ bản đồ số 41, đứng tên vợ chồng ông bà tại TDP số 15, thị trấn TL là được bố mẹ đẻ ông T2 là cụ Bùi Văn Lân và cụ Nguyễn Thị Ngọ tặng cho vợ chồng. Khi còn sống thì cụ Lân đã tách đất và chỉ ranh giới đất hai hộ cũng như ngõ đi chung cho ông T2, bà T3 nên bị đơn yên tâm sử dụng từ đó cho đến nay theo đúng ranh giới mà cụ Lân chỉ. Do ngõ xuống cấp nên các anh em trong gia đình có đổ bê tông phần ngõ đi chung cho gia đình gồm cụ Nguyễn Thị Ngọ, ông Bùi Văn Cường, ông Bùi Văn Ninh, bà Phạm Thị Liên, bà Nguyễn Thị Hòa, **ông Bùi Văn T2, bà Ngô Thị T3** để sử dụng theo như cụ Lân chỉ thì ngõ đi chung có thể sát với phần công trình ông T1 đã xây dựng. Nay ông T1 khởi kiện quan điểm của bị đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn Cường, ông Bùi Văn Ninh, bà Phạm Thị Liên, bà Nguyễn Thị Hòa trình bày: Nhất trí với phần trình bày trên của ông T2, bà T3.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H nhất trí với ý kiến trình bày của ông Mai Đức T1.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị trấn TL có ý kiến trình bày:* UBND thị trấn TL tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quan hệ tranh chấp ngõ đi chung. Tại buổi xem xét thẩm định, đo đạc của Tòa án, đại diện UBND thị trấn TL có tham gia chứng kiến và được biết hiện nay tại phần ngõ đi chung gia đình ông T2 đã tự đổ bê tông nhưng có để lại một phần đất trống tại phần giáp cạnh Tây đất hộ ông T1 là phần các đương sự đang tranh chấp. Thực tế, phần đất đi chung này do UBND thị trấn TL quản lý. Tuy nhiên, khi xây dựng, các bên không báo cáo gì với cơ sở TDP và chính quyền địa phương nên UBND thị trấn TL không nắm được diện tích đất ngõ đi chung hiện nay các hộ đổ đi là bao nhiêu nên qua số liệu đo đạc theo quy hoạch ngõ đi chung cho các hộ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. UBND thị trấn TL không có yêu cầu độc lập và cũng không có ý kiến gì khác.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Vóc* có quan điểm gia đình bà có thổ đất có một phần đất sát phần đất ngõ đi chung, khi đổ ngõ đi vào các hộ gia đình con của cụ Lân thì các anh em con của cụ Lân tự đổ ngõ đi chung để sử dụng, gia đình bà không góp tiền làm ngõ, nên nay có xảy ra tranh chấp ranh giới với phần ngõ đi chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, gia đình bà không có ý kiến tranh chấp gì. Bà nhận trách nhiệm giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho chồng bà là ông Phạm Văn Khanh. Do phải công việc gia đình bận nên vợ chồng bà Vóc xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên xét xử của Tòa án.

* *Cụ Nguyễn Thị Ngộ và ông Phạm Văn Khanh* đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến lưu tại hồ sơ vụ án.

* Tại buổi hoà giải ngày 21/12/2023 tại Tòa án, các đương sự có mặt là ông Mai Đức T1, bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn T2, bà Ngô Thị T3, ông Bùi Văn Ninh, ông Bùi Văn Cường thống nhất quan điểm đề nghị Tòa án:

Xác định ranh giới mới giữa đất hộ ông Mai Đức T1 và đất ông Bùi Văn T2, bà Ngô Thị T3 là điểm nối hai điểm (4'-6). Hộ ông Mai Đức T1 được sử dụng phần đất (S1+S2+S3) có tổng diện tích là 793m², được giới hạn bởi các điểm (4',6,9,10,11,12,13,14,4,4') thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I998577 ngày 02/12/1996, đứng tên hộ ông Mai Đức T1; Ông Bùi Văn T2 và bà Ngô Thị T3 được sử dụng thêm phần đất S4 = 7m², được giới hạn bởi các điểm (4',5,6,4') thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I998577 ngày 02/12/1996, đứng tên hộ ông Mai Đức T1. Đồng thời, vợ chồng ông Bùi Văn T2 và bà Ngô Thị T3 tự có trách nhiệm tháo dỡ các cột bê tông nằm trên phần đất S2.

Giữ nguyên ngõ đi chung giữa hộ ông Mai Đức T1, ông Bùi Văn T2, bà Bùi Thị T3, hộ ông Phạm Văn Khanh. Về phần bê tông do vợ chồng ông Bùi

Văn T2, bà Ngô Thị T3, ông Bùi Văn Cường, bà Nguyễn Thị Liên, ông Bùi Văn Ninh, bà Phạm Thị Hoà, cụ Nguyễn Thị Ngọc tự góp tiền đổ và sử dụng, không có tranh chấp và không đương sự nào yêu cầu giải quyết.

(có sơ đồ kèm theo)

UBND thị trấn TL vắng mặt tại buổi hòa giải nhưng có văn bản trình bày quan điểm nhất trí với nội dung hoà giải, đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Cụ Nguyễn Thị Ngọc, bà Nguyễn Thị Vóc, ông Phạm Văn Khanh đã nhận được Biên bản hoà giải thành nhưng không có ý kiến gì.

Phần đất đang tranh chấp tại phần đất tiếp giáp ngõ đi chung và tiếp giáp đất ông T1, bà H có chiều rộng 20cm, chiều dài hết ngõ tiếp giáp đất ông T1 qua đo đạc xác định là phần đất được nhà nước cấp cho hộ gia đình ông T1, bà H được quyền sử dụng thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I998577 ngày 02/12/1996, đứng tên hộ ông Mai Đức T1. Phần đất này ông T1, bà H được quyền sử dụng.

Tại phiên tòa các đương sự có mặt và đại diện theo ủy quyền của đương sự có mặt giữ nguyên quan điểm như trong buổi hòa giải 21/12/2023 tại Toà án và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, các đương sự cơ bản đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 175, Điều 254 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, các Điều 165, 228, 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đề nghị HĐXX Xứ: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Xác định ranh giới mới giữa đất hộ ông Mai Đức T1 và đất ông Bùi Văn T2, bà Ngô Thị T3 là đường thẳng nối hai điểm (4'-6). Hộ ông Mai Đức T1 được sử dụng phần đất (S1+S2+S3) có tổng diện tích là 793m², được giới hạn bởi các điểm (4',6,9,10,11,12,13,14,4,4') thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I998577 ngày 02/12/1996, đứng tên hộ ông Mai Đức T1; Ông Bùi Văn T2 và bà Ngô Thị T3 được sử dụng thêm phần đất S4 = 7m², được giới hạn bởi các điểm (4',5,6,4') thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I998577 ngày 02/12/1996, đứng tên hộ ông Mai Đức T1. Đồng thời, vợ chồng ông T1 và bà H tự có trách nhiệm tháo dỡ các cột bê tông nằm trên phần đất S2, **được giới hạn bởi các điểm (4,4',6,9,4).**

Xác định ranh giới ngõ đi chung giữa hộ ông Mai Đức T1, ông Bùi Văn T2, bà Ngô Thị T3, hộ ông Phạm Văn Khanh như phần ngõ đã đổ bê tông theo hiện trạng sử dụng thực tế hiện nay phần đất (S6). Phần đất còn lại các hộ đang tranh chấp tại phần đất liền kề ngõ đi chung thuộc quyền sử dụng của hộ ông T1, bà H.

Các vấn đề khác, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:* Ông Mai Đức T1 có đơn khởi kiện vợ chồng ông Bùi Văn T2, bà Ngô Thị T3 về quan hệ “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và ranh giới ngõ đi chung”; Bị đơn có địa chỉ tại thị trấn TL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu theo định tại Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn là ông Mai Đức T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **UBND thị trấn TL**, bà Nguyễn Thị Liên, bà Phạm Thị Hòa, **bà Nguyễn Thị Vóc** vắng mặt tại phiên Tòa theo ý kiến xin vắng mặt; cụ Nguyễn Thị Ngọc, ông Phạm Văn Khanh vắng mặt lần hai không có lý do, đồng thời, không ai có đề nghị hoãn phiên Tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 241 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] *Về hồ sơ địa chính:*

Nguồn gốc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 41 do vợ chồng ông Mai Đức T1 nhận chuyển nhượng đến ngày 02/12/1996, thửa đất này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I998577 đứng tên hộ ông Mai Đức T1 có diện tích là 800m².

Thửa đất số 210, tờ bản đồ số 41 có nguồn gốc được tách từ một phần thửa đất số 122, tờ bản đồ số 41, đứng tên hộ ông Bùi Văn Lân vào năm 2006. Ngày 20/7/2006 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 231858, đứng tên ông Bùi Văn T2 và bà Ngô Thị T3 diện tích 700m².

Về ngõ đi chung giữa các thửa đất này và hộ ông Phạm Văn Khanh, bà Nguyễn Thị Vóc theo Bản đồ 299 năm 1989 là một ngõ chạy thẳng dài dọc Bắc Nam giữa thửa hộ Lân và thửa hộ Bình. Sau đó đến bản đồ địa chính lập năm 1995 và chỉnh lý ngõ đi chung đã bị các hộ dân sử dụng tự lấp đi một phần mà không được thể hiện bằng văn bản pháp luật nào. Hiện nay trên hồ sơ địa chính thể hiện là ngõ đi chung của hộ ông Khanh, hộ ông T2, hộ ông T1 và do UBND thị trấn TL quản lý có trong quy hoạch.

[3.2] *Về kết quả thẩm định tại chỗ:*

Theo đo đạc thẩm định tại chỗ, hộ ông T1 đang thực tế quản lý phần đất có diện tích $S_3 = 777,5m^2$, thiếu $22,5m^2$ so với hồ sơ địa chính được cấp giấy chứng nhận.

Do thửa đất 210 của ông T2, bà T3 đang tranh chấp không xác định ranh giới với các thửa 122 hộ cụ Lân, thửa 121, thửa 123 hộ ông Ninh, thửa 124 hộ ông Cường (tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 41) nên khi đo đạc thực địa đã đo chung, tổng diện tích phần đất này thửa 89m² so với hồ sơ địa chính được cấp.

Các đương sự đều thống nhất kết quả đo đạc, không ai có ý kiến gì khác.

[3.3] Quá trình sử dụng đất từ trước đến nay hai hộ không xác định ranh giới rõ ràng, khi xây dựng các công trình, dựng cột bê tông, đổ ngõ trên đất cũng tự ý xây, không báo chính quyền địa phương, không thông báo cho các hộ liền kề chứng kiến.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên Tòa, các đương sự có mặt là ông Mai Đức T1, bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn T2, bà Ngô Thị T3, ông Bùi Văn Ninh, ông Bùi Văn Cường thống nhất quan điểm đề nghị Tòa án:

Xác định ranh giới mới giữa đất hộ ông Mai Đức T1 và đất ông Bùi Văn T2, bà Ngô Thị T3 là đường thẳng nối hai điểm (4'-6). Hộ ông Mai Đức T1 được sử dụng phần đất (S1+S2+S3) có tổng diện tích là 793m², được giới hạn bởi các điểm (4',6,9,10,11,12,13,14,4,4') thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I998577 ngày 02/12/1996, đứng tên hộ ông Mai Đức T1;

Ông Bùi Văn T2 và bà Ngô Thị T3 được sử dụng thêm phần đất S4 = 7m², thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I998577 ngày 02/12/1996, đứng tên hộ ông Mai Đức T1. Đồng thời, vợ chồng ông T1 và bà H tự có trách nhiệm tháo dỡ các cột bê tông nằm trên phần đất S2 đã hết giá trị khấu hao, được giới hạn bởi các điểm (4,4',6,9,4).

Xác định ranh giới ngõ đi chung giữa hộ ông Mai Đức T1, ông Bùi Văn T2, bà Ngô Thị T3, hộ ông Phạm Văn Khanh như phần ngõ đã đổ bê tông theo hiện trạng sử dụng thực tế hiện nay(phần đất S6). Ngõ đi chung được giới hạn bởi các điểm (10, 6, 6',10'). Phần đất còn lại các hộ đang tranh chấp tại phần đất liền kề ngõ đi chung qua xác minh và đo đạc thực địa phần đất này được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Mai Văn T1 nên thuộc quyền sử dụng của hộ ông T1, bà H.

(có sơ đồ kèm theo)

[3.5] Xét thấy sự thống nhất của các đương sự có mặt tại phiên Tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà nước cũng như quyền lợi của ai khác nên HĐXX xử cần chấp nhận và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như trên là phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, ông T1, bà H đã nộp tạm ứng và không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết do đó không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên Tòa nên ông Bùi Văn T2, bà Ngô Thị T3 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 175, Điều 254 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, các Điều 165, 228, 241 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất hộ ông Mai Đức T1 và ông Bùi Văn T2, bà Ngô Thị T3 là đường thẳng nối hai điểm (4'-6). Hộ ông Mai Đức T1 được sử dụng phần đất (S1+S2+S3) có tổng diện tích là 793m², thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I998577 ngày 02/12/1996, đứng tên hộ ông Mai Đức T1; được giới hạn bởi các điểm (4',6,9,10,11,12,13,14,4,4')

2. Ông Bùi Văn T2 và bà Ngô Thị T3 được sử dụng phần đất S4 = 7m², thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I998577 ngày 02/12/1996, đứng tên hộ ông Mai Đức T1. Đồng thời, vợ chồng ông T1 và bà H tự có trách nhiệm tháo dỡ các cột bê tông nằm trên phần đất S2 được giới hạn bởi các điểm (4,4',6,9,4).

3. Xác định ranh giới ngõ đi chung giữa hộ ông Mai Đức T1, bà Nguyễn Thị H; hộ ông Bùi Văn T2, bà Bùi Thị T3; hộ ông Phạm Văn Khanh, bà Nguyễn Thị Vóc như hiện trạng ngõ bê tông sử dụng thực tế hiện nay (S6) được giới hạn bởi các điểm (10, 6, 6',10').

(có sơ đồ kèm theo)

4. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án của Tòa án. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I998577 ngày 02/12/1996, đứng tên hộ ông Mai Đức T1 do hộ ông T1 giữ.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định của Bản án có hiệu lực pháp luật khi đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 13, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Bùi Văn T2 và bà Ngô Thị T3 phải nộp 300.000 đồng án phí tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và 300.000 đồng án phí tranh chấp ngõ đi chung. Tổng án phí ông T2, bà T3 phải nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được Bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND TT TL;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng